

國際越南語認證 模擬試題 網路版

KỶ THI NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT QUỐC TẾ

ĐỀ THI THAM KHẢO

網路版模擬試題僅提供題型的範例，若想參考完整的模擬試題及認證相關的參考資料，請購買《國際越南語認證導論》。

Đề thi trong bản tham khảo này chỉ là các mẫu loại hình đề thi, nếu muốn tìm hiểu về đề thi hoàn chỉnh và các thông tin liên quan đến Kỳ thi năng lực tiếng Việt quốc tế, hãy tìm mua cuốn “Hướng dẫn về Kỳ thi năng lực tiếng Việt quốc tế”.

僅提供個人參考，若欲公開使用，請先取得書面授權

Chỉ giành cho cá nhân tham khảo.

Nếu không nhận được sự đồng ý bằng văn bản,
thì không được phép sử dụng công khai.

國際越南語認證 KỶ THI NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT QUỐC TẾ

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH CÔNG

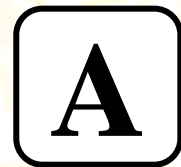
KỶ THI NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT QUỐC TẾ

國立成功大學越南研究中心國際越南語認證

ĐỀ THI MẪU 試題樣本



CẤP ĐỘ A 初級測驗



PHẦN I NGHE HIỂU 聽力測驗

- (a) NGHE VÀ CHỌN ĐÁP ÁN
- (b) XEM TRANH VÀ CHỌN ĐÁP ÁN
- (c) NGHE HIỂU HỘI THOẠI

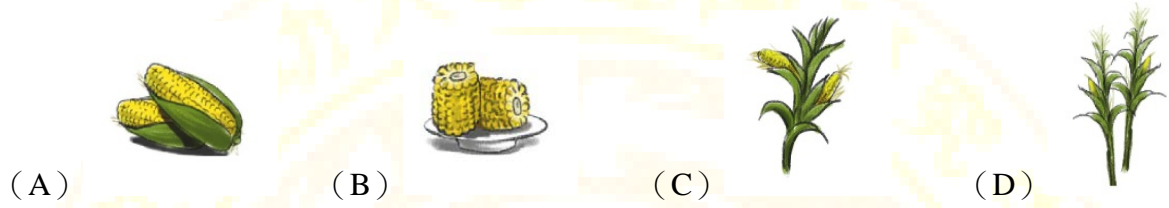
Phần thi này kéo dài khoảng 20 phút, tính thời gian ghi âm thực tế làm chuẩn. Mỗi câu hỏi đều có 4 lựa chọn để chọn ra 1 đáp án, mỗi câu 2,5 điểm, tổng cộng điểm thi là 50 điểm. Hãy dùng bút chì 2B tô lên vòng tròn của đáp án được chọn trên thẻ đáp án. Khi làm bài, thí sinh không được đánh dấu lên tờ đề thi hoặc thẻ đáp án, nếu muốn đánh dấu hãy dùng tờ giấy trắng được phát.

**※ Sau khi giám thị ra hiệu lệnh bắt đầu,
thí sinh mới được lật sang trang sau để làm bài thi.**

※ 監考人員宣佈測驗開始後才可掀開試題作答

(a) NGHE VÀ CHỌN ĐÁP ÁN

Câu 1:



(b) XEM TRANH VÀ CHỌN ĐÁP ÁN

Câu 1:



- (A) Cô gái buộc (cột) tóc.
(C) Cậu bé đội mũ (nón).

- (B) Người đàn ông đang nói chuyện điện thoại.
(D) Cậu bé cầm ô (dù).

(c) NGHE HIỂU HỘI THOẠI

Hội thoại 1:

Câu 1:

- (A) 7:00. (B) 7:20. (C) 7:40. (D) 8:00.

Hội thoại 2:

Câu 2:

- (A) Phía sau thư viện. (B) Phía đối diện cổng trường.
(C) Phía sau nhà ăn. (D) Bên trong nhà ăn.

PHẦN II ĐỌC HIỂU

(a) XEM TRANH CHỌN ĐÁP ÁN

(b) ĐIỀN TỪ VÀO CHỖ TRỐNG

(c) ĐỌC HIỂU

Phần thi này kéo dài 20 phút. Mỗi câu hỏi đều có 4 lựa chọn để chọn ra 1 đáp án, mỗi câu 2,5 điểm, tổng cộng điểm thi là 50 điểm. Hãy dùng bút chì 2B tô lên vòng tròn của đáp án được chọn trên thẻ đáp án. Khi làm bài, thí sinh không được đánh dấu lên tờ đề thi hoặc thẻ đáp án, nếu muốn đánh dấu hãy dùng tờ giấy trắng được phát.

※ Sau khi giám thị ra hiệu lệnh bắt đầu,
thí sinh mới được lật sang trang sau để làm bài thi.

※ 監考人員宣佈測驗開始後才可掀開試題作答

(a) XEM TRANH CHỌN ĐÁP ÁN

Câu 1:



Hỏi: Câu nào dưới đây phù hợp với nội dung bức tranh trên?

- (A) Cô giáo đang giảng bài.
- (B) Cô giáo đang cho học sinh nghe đĩa CD.
- (C) Học sinh đang chăm chú nghe giảng.
- (D) Cô giáo đang kể chuyện cười.

(b) ĐIỀN TỪ VÀO CHỖ TRỐNG

Câu 1: Thủy ơi! Hôm qua, em và mẹ đi sở thú có thấy _____ đang dùng vòi để phun nước không?

- (A) Con khi
- (B) Con voi
- (C) Con gà trống
- (D) Con hươu cao cổ

(c) ĐỌC HIỂU

Đoạn văn 1:

Vinh rất thích ăn hoa quả. Sáng Chủ nhật, bạn ấy đi chợ cùng với mẹ. Vinh đợi mẹ mua xong thịt, cá, rau, rồi nắm tay mẹ đi đến sạp hoa quả. Bạn ấy nhìn thấy có rất nhiều ổi, roi (mận), xoài, chuối, đều là những loại hoa quả bạn ấy thích, nên xin mẹ mua cho.

Câu 1: Hỏi Vinh xin mẹ mua cho cái gì?

- (A) Rau. (B) Cá. (C) Roi (mận). (D) Dưa hấu.